

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẢI PHÁT



HAI PHAT INVEST

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hà Nội, tháng 5 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Mục đích và phạm vi điều chỉnh	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	2
Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công bố thông tin.....	2
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin.....	3
Điều 5. Phương tiện và hình thức công bố thông tin	4
Điều 6. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	4
Điều 7. Bảo quản và lưu giữ thông tin	4
CHƯƠNG II. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	4
Điều 8. Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Công ty.....	4
Điều 9. Diễn giải Quy trình.....	6
CHƯƠNG III. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
Điều 10. Công bố thông tin định kỳ	7
Điều 11. Các thông tin công bố bất thường	9
Điều 12. Các thông tin công bố theo yêu cầu.....	11
Điều 13. Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp	12
Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn.....	12
Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.....	13
Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan	13
Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	14
Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ.....	14
Điều 19. Trách nhiệm công bố thông tin được quy định cụ thể như sau	14
CHƯƠNG IV. TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN	15
Điều 20. Tạm hoãn công bố thông tin.....	15
CHƯƠNG V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	15
Điều 21. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong việc cung cấp thông tin	15
Điều 22. Xử lý vi phạm	16
Điều 23. Điều khoản thi hành.....	16

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động, phân công trách nhiệm giữa các bộ phận chức năng trong việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát (Mã chứng khoán HPX) phù hợp với các quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **“Công ty”** là Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát ;
2. **“UBCKNN”** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
3. **“SGDCK”** là Sở Giao dịch chứng khoán;
4. **“TTLKCK”** là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
5. **“Người nội bộ”** là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Người đại diện theo Pháp luật, người Công bố thông tin, những người khác theo quy định của pháp luật;
6. **“Điều lệ”** là Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
7. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
8. **“Tổ chức kiểm toán được chấp thuận”** là doanh nghiệp kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định;

Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

9. **“Bộ phận tổng hợp thông tin”** là Phòng/ban có chức năng là đầu mối thu thập, tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin trong công việc được giao.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo qui định của pháp luật.
2. Việc công bố thông tin do Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
3. Trường hợp có bất kỳ người nào công bố thông tin làm ảnh hưởng đến giá

chứng khoán thì Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK).

4. Người không được ủy quyền không được công bố thông tin thay mặt cho Công ty, và cá nhân phải chịu trách nhiệm trước tổn thất do việc công bố thông tin không được ủy quyền gây ra.
5. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố.
6. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời trên các phương tiện thông tin đại chúng.
7. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện công bố thông tin; ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo), ngày UBCKNN, SGDCK nhận được thông tin công bố bằng văn bản.
8. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam là tiếng Việt. Trường hợp pháp luật quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.
9. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK.
10. Công ty thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc cá nhân được ủy quyền.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt và công bố thông tin. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác để công bố thông tin. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
3. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;
4. Công ty phải thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin này cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực

Điều 5. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:
 - a. Các phương tiện công bố thông tin của Công ty: báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác;
 - b. Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
 - c. Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;
 - d. Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, hình thức công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

3. Công ty lập trang thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật việc công bố thông tin theo quy định trên trang thông tin điện tử. Công ty thông báo với UBCKNN, SGDCK; công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.

Điều 6. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Đơn vị, cá nhân trong Công ty có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

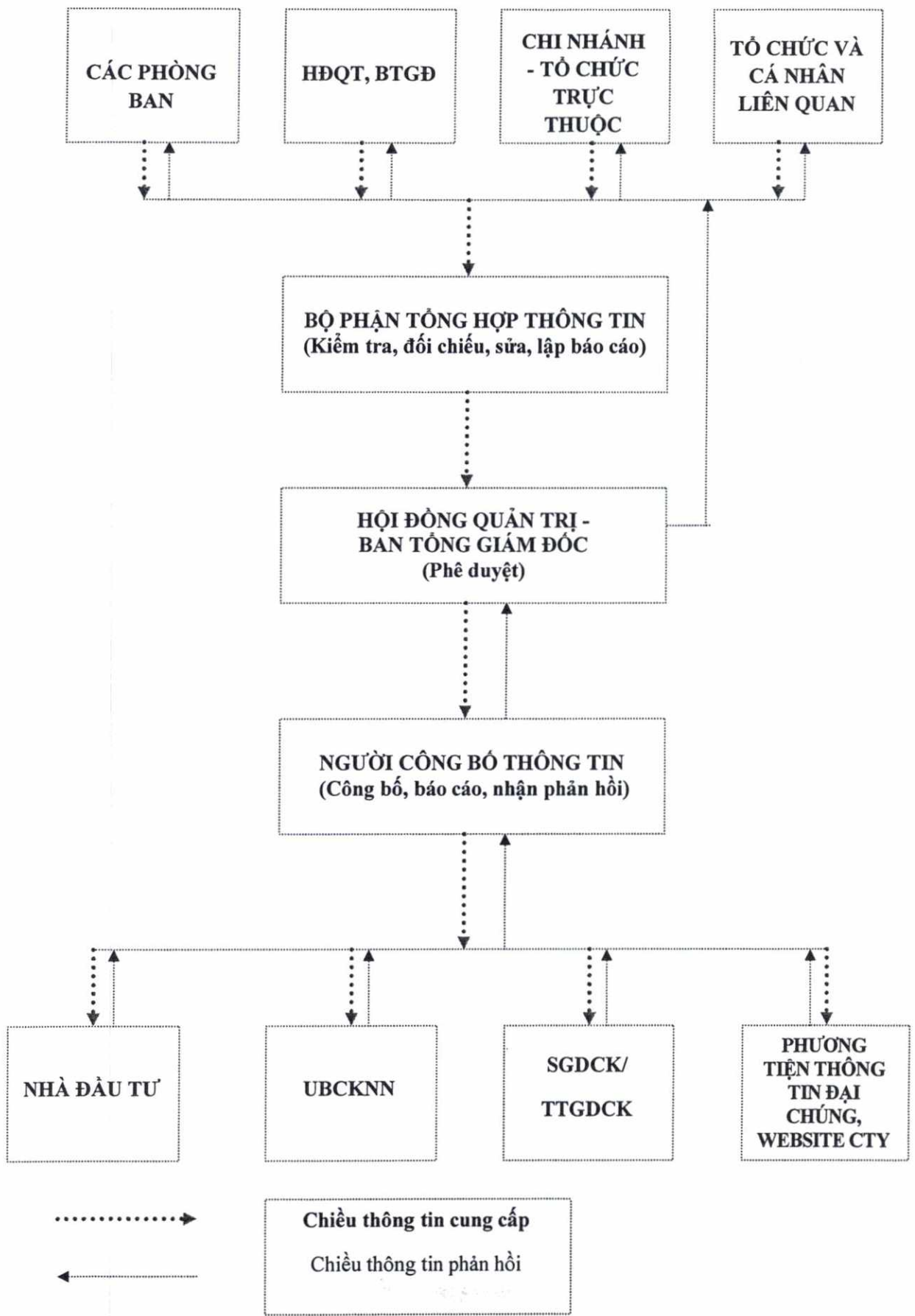
Điều 7. Bảo quản và lưu giữ thông tin

Thông tin công bố được bảo quản và lưu giữ tại Công ty dưới dạng văn bản và file dữ liệu. Người được uỷ quyền công bố thông tin lưu giữ thông tin công bố là tại bộ phận quản lý trực tiếp và Văn phòng công ty.

CHƯƠNG II QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Công ty

Quy trình công bố thông tin nội bộ của Công ty được thực hiện theo sơ đồ sau:



Điều 9. Diễn giải Quy trình

1. Chuẩn bị thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo, công bố theo nội dung hướng dẫn tại “Quy chế công bố thông tin nội bộ của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát” và mẫu tại “Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” và trong các văn bản pháp luật khác qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, gửi cho Bộ phận tổng hợp thông tin của Công ty hoặc thông báo trực tiếp cho Bộ phận tổng hợp thông tin.

2. Xử lý thông tin

Bộ phận tổng hợp thông tin tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung báo cáo, công bố; đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin; chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo, công bố theo hướng dẫn tại “Quy chế công bố thông tin nội bộ” và mẫu tại “Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” và trong các văn bản pháp luật khác qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Trình lãnh đạo phê duyệt

Bộ phận tổng hợp thông tin trình Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc ký và đóng dấu báo cáo, công bố trước khi thực hiện công bố. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc vắng, Bộ phận tổng hợp thông tin trình lãnh đạo có thẩm quyền ký và đóng dấu để thực hiện công bố thông tin.

4. Báo cáo và công bố

Người công bố thông tin thực hiện công bố trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK Tp.HCM, UBCKNN theo hướng dẫn trong “Quy chế công bố thông tin” và theo hướng dẫn tại “Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” và trong các văn bản pháp luật khác qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Tiếp nhận các thông tin phản hồi và sàng lọc, đề xuất cho lãnh đạo về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết (Quay lại các bước trên).

6. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã được thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tối thiểu hai (02) năm để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của nhà đầu tư.

CHƯƠNG III NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm:
 - a. Công ty lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - b. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
 - c. Công ty công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.
 - d. Báo cáo tài chính năm và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty.
 - e. Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì Công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.
2. Báo cáo tài chính bán niên (06 tháng đầu năm tài chính):
 - a. Công ty lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.
 - b. Báo cáo tài chính bán niên kèm theo toàn bộ Báo cáo công tác soát xét Báo cáo tài chính bán niên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty.

- c. Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty.
 - d. Trường hợp Báo cáo tài chính bán niên được soát xét có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì Công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.
3. Báo cáo tài chính quý:
- a. Công ty công bố thông tin về báo cáo tài chính quý trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc quý.
 - b. Báo cáo tài chính quý bao gồm các báo cáo theo quy định tại điểm 1b Điều 10 Quy chế này.
 - c. Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó.
 - d. Công ty công bố đầy đủ Báo cáo tài chính quý trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty.
4. Báo cáo thường niên:
- a. Công ty lập Báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật về công bố thông tin của tổ chức niêm yết và công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
 - b. Việc công bố thông tin phải được thực hiện trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty.
 - c. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
5. Báo cáo tình hình quản trị công ty:
- a. Định kỳ sáu (06) tháng và năm Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK.
 - b. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty sáu (06) tháng và năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

- c. Công ty thực hiện công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.
6. Hội đồng quản trị:
 - a. Công ty phải công bố thông tin định kỳ về Nghị quyết Hội đồng quản trị thường niên.
 - b. Công ty phải công bố toàn bộ tài liệu hội đồng quản trị thường niên/bất thường, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp Hội đồng quản trị cho các cổ đông trước khi khai mạc họp Hội đồng quản trị chậm nhất là mười (10) ngày.
7. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:
 - a. Khi thực hiện chào bán chứng khoán Công ty phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.
 - b. Trường hợp Công ty chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, công ty phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
 - c. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Công ty phải công bố thông tin về lý do và Quyết định/Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị về sự thay đổi đó trước khi có sự thay đổi.
 - d. Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Điều 11. Các thông tin công bố bất thường

1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
 - c. Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (kèm theo Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc Biên bản kiểm phiếu) về việc thông qua các quyết định

- của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp 2014;
- d. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp 2014; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - e. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị (kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu;
 - f. Báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến từ chối của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính; công bố công ty kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm; thay đổi công ty kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) hoặc việc từ chối kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty kiểm toán; kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính (nếu có);
 - g. Khi có sự thay đổi nhân sự chủ chốt của Công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng);
 - h. Có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty; có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;
 - i. Khi có thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - j. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - k. Công ty nhận được thay đổi nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
 - l. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm; mua, bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán chính thức được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;
 - m. Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

- n. Công ty bị tổn thất tài sản có giá trị từ mười phần trăm (10%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
 - o. Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề tăng, giảm vốn điều lệ; góp vốn có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng tài sản của Công ty vào một tổ chức khác; góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng vốn của công ty nhận vốn góp; thông qua hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
 - p. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị về việc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng tài sản của Công ty tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
 - q. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với những trường hợp cần được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền) về việc đóng mở công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
 - r. Khi giá chứng khoán niêm yết của Công ty tăng trần hoặc giảm sàn từ mười (10) phiên liên tiếp trở lên;
 - s. Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán.
2. Công ty công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 7.1 và 7.2 Điều này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin bất thường nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).
 3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, SGDCK và báo cáo UBCKNN chậm nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 12. Các thông tin công bố theo yêu cầu

1. Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK, trong các sự kiện sau đây:
 - a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

- b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Công ty công bố thông tin theo yêu cầu trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp

1. Thời gian công bố thông tin

Khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong khoảng thời gian từ khi phát hành trái phiếu ra công chúng đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu.

2. Nội dung công bố thông tin

Công ty công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính năm, Báo cáo thường niên và công bố thông tin bất thường theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất một (01) tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

3. Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

Trường hợp công ty chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Công ty công bố thông tin về lý do và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi trước khi có sự thay đổi đó. Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải báo cáo về sở hữu cho công ty, UBCKNN, SGDCK theo quy định của

pháp luật về công bố thông tin trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn.

2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm ... hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu) phải thực hiện báo cáo trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ khi có sự thay đổi trên theo quy định của pháp luật về công bố thông tin cho công ty, UBCKNN, SGDCCK.
3. Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính như sau:
 - a. Trường hợp giao dịch được thực hiện qua SGDCCK: thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;
 - b. Trường hợp giao dịch không được thực hiện qua SGDCCK: thời điểm được tính kể từ lúc việc chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất tại TTLKCK;
 - c. Trường hợp thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: thời điểm được tính kể từ lúc công ty đại chúng hoàn thành đợt chào bán.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng

1. Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2014 phải gửi thông báo cho UBCKNN, SGDCCK, TTLKCK và Công ty về việc thực hiện giao dịch chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch theo quy định pháp luật về công bố thông tin. Trong trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc chuyển nhượng trên.
2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, cổ đông sáng lập thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCCK và công ty về kết quả thực hiện giao dịch theo quy định pháp luật về công bố thông tin. Nếu giao dịch không thực hiện được hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, cổ đông sáng lập phải báo cáo lý do với UBCKNN, SGDCCK và công ty trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan

1. Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này khi dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch

tại SGDCK (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, ...) phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và công ty trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn giao dịch không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK. Nội dung báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và công ty về kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
3. Trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về lý do không thực hiện được giao dịch.
4. Cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch như đã đăng ký với UBCKNN, SGDCK và không được đăng ký mua và bán cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu của công ty trong cùng một khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
5. Trường hợp cổ đông nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với cổ đông nội bộ.

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty khi bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 19. Trách nhiệm công bố thông tin được quy định cụ thể như sau

1. Đối với các thông tin định kỳ, bất thường, theo yêu cầu, người có thẩm quyền công bố thông tin của Công ty chịu trách nhiệm công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo qui định.
2. Đối với những thông tin phải công bố trong vòng 24 giờ Công ty phải gửi ngay thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện để SGDCK công bố và đồng thời chịu trách nhiệm công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo qui định.

3. Đối với các thông tin phải công bố thuộc nghĩa vụ của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan; giao dịch chào mua công khai... thì các đối tượng này phải tự thực hiện công bố thông tin cho Công ty, SGDCK, UBCKNN và các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

CHƯƠNG IV TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 20. Tạm hoãn công bố thông tin

1. **Bảo lưu chưa công bố thông tin**
Trong trường hợp cần thiết phải bảo lưu chưa công bố thông tin, nhân viên công bố thông tin thực hiện công văn trình Tổng Giám đốc ký đề nghị bảo lưu chưa công bố thông tin gửi UBCKNN, SGDCK xem xét, chấp thuận.
2. **Tạm hoãn công bố thông tin**
Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin), Bộ phận tổng hợp thông tin lập báo cáo trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ký báo cáo UBCKNN, ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc trước thời hạn công bố thông tin đối với những trường hợp khác mà Công ty đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.
Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty và UBCKNN, SGDCK, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong việc cung cấp thông tin

1. Bộ phận tổng hợp thông tin trong phạm vi chức năng của mình, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.
2. Trưởng các phòng, ban, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho bộ phận đầu mối.
3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo người ủy quyền kết quả thực hiện.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật và những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các đối tượng công bố thông tin và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này. Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định, hướng dẫn của Bộ tài chính, Ủy Ban chứng khoán nhà nước trong từng thời kỳ. Bao gồm nhưng không hạn chế ở những nội dung đã được quy định trong Quy chế này, đồng thời, khi cơ quan quản lý ban hành các quy định khác trái với các quy định tại Quy chế này thì công ty có nghĩa vụ thực hiện theo các quy định của pháp luật và điều chỉnh lại Quy chế này cho phù hợp.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét quyết định, phù hợp với quy định hiện hành về quản lý chứng khoán và thị trường chứng khoán. *mm*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *mm*

CHỦ TỊCH



Đỗ Quý Hải